

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ và Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 26/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 (viết tắt là Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư);

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 (viết tắt là Nghị quyết số 160/NQ-CP của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 26/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư (khóa XIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 (viết tắt là Kế hoạch số 136-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết số 160/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 136-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, ý thức trách nhiệm của các cấp, ngành và toàn xã hội đối với công tác giảm nghèo bền vững, xác định giảm nghèo là nhiệm vụ thường xuyên, góp phần quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tạo động lực cho phát triển bền vững.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 160/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 136-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kế hoạch là căn cứ để các cấp, các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đạt mục tiêu về giảm nghèo bền vững đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Các cấp chính quyền và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải sâu sát, chủ động sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đối với chương trình, chính sách giảm nghèo thuộc lĩnh vực quản lý; xây dựng chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững phải cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn và chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương.

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết số 160/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 136-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy từ tỉnh đến cơ sở, từ đó tạo sự chuyển biến

rõ nét về nhận thức và hành động của chính quyền các cấp, hệ thống chính trị và nhân dân về công tác giảm nghèo.

- Quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch phải kịp thời bổ sung, cập nhật các chủ trương, chính sách của Trung ương, các nhiệm vụ mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện để điều chỉnh biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ người nghèo đảm bảo mức sống tối thiểu, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững theo cách tiếp cận đa chiều, duy trì giảm tỷ lệ nghèo đa chiều bình quân từ 3%/năm trở lên, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi xuống dưới 10%; hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo.

- Phấn đấu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, tạo sự thống nhất nhận thức từ trên xuống dưới, xác định mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn.

- Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị với kết quả giảm nghèo trên địa bàn, lĩnh vực phụ trách; lấy kết quả giảm nghèo là tiêu chí để đánh giá, xếp loại chất lượng tập

thể, cá nhân hằng năm. Phân công trách nhiệm cho từng tổ chức, cá nhân phụ trách công tác giảm nghèo từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, theo dõi công tác giảm nghèo gắn với chuyển đổi tư duy từ “hỗ trợ người nghèo” sang “trao cơ hội thoát nghèo bền vững”, chú trọng tăng tính minh bạch và sự tham gia của người dân trong phát huy vai trò giám sát xã hội. Xây dựng hệ thống báo cáo số, cập nhật theo thời gian thực. Định kỳ tổ chức giao ban chuyên đề về giảm nghèo; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc từ cơ sở.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác phổ biến, thường xuyên thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác giảm nghèo đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn xã hội trong triển khai thực hiện công tác giảm nghèo, giúp hộ nghèo thoát nghèo bền vững; khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, không trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng. Phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái” của dân tộc, tạo sự đồng thuận và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn xã hội trong công tác giảm nghèo bền vững. Tổ chức thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo về thông tin, tạo điều kiện cho hộ nghèo có phương tiện tiếp cận thông tin, sử dụng dịch vụ viễn thông.

- Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền theo hướng dễ hiểu, phù hợp với từng dân tộc, từng vùng, nội dung tuyên truyền cần làm rõ trách nhiệm của người nghèo đối với công tác giảm nghèo, trong đó hộ nghèo, hộ cận nghèo vừa là chủ thể, vừa là đối tượng được hưởng lợi từ các chính sách giảm nghèo, do đó cần sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, chủ động tìm biện pháp tăng thu nhập, thoát nghèo cùng với sự hỗ trợ, hướng dẫn của chính quyền, đoàn thể và cộng đồng. Phải làm cho người nghèo thấy rõ chính sách của nhà nước, giúp đỡ của cộng đồng chỉ là hỗ trợ, sự nỗ lực, tự vươn lên của bản thân hộ nghèo là chính.

- Tăng cường tuyên truyền, nhân rộng và lan tỏa các gương điển hình về giảm nghèo, làm giàu chính đáng, các mô hình thoát nghèo bền vững, sản xuất giỏi, khởi nghiệp thành công tại địa phương. Đẩy mạnh giáo dục ý thức tự lực, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; lồng ghép với các phong trào thi đua yêu nước. Phát huy hiệu quả các kênh truyền thông cơ sở: Loa truyền thanh thông

minh, nền tảng số, mạng xã hội chính thống của địa phương. Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng sản xuất, quản lý tài chính cho hộ gia đình, kỹ năng tìm kiếm việc làm cho hộ nghèo.

- Tích cực phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan truyền thông trong việc tuyên truyền, vận động thay đổi nhận thức của hộ nghèo; động viên, hướng dẫn người nghèo có kiến thức trong lao động sản xuất, khơi dậy tinh thần tự lực, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ, hỗ trợ của nhà nước và xã hội. Gắn thực hiện công tác giảm nghèo bền vững với nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công; phát huy dân chủ ở cơ sở, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của nhân dân trong thực hiện các chính sách giảm nghèo.

- Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau"; khuyến khích hộ nghèo vươn lên "thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no", phấn đấu "Vì một Việt Nam không còn đói nghèo"; tổ chức thực hiện tốt Quỹ "Vì người nghèo". Kịp thời đề xuất biểu dương, khen thưởng các hộ nghèo nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

3. Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện gắn với mục tiêu phát triển bền vững

3.1. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp giảm nghèo theo từng nguyên nhân dẫn đến nghèo, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, kết hợp lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo thực hiện giảm nghèo gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đảm bảo đúng đối tượng.

- Hỗ trợ tín dụng ưu đãi: Tích cực thực hiện các giải pháp huy động, duy trì và điều hành có hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Gắn kết chặt chẽ giữa cho vay tín dụng ưu đãi với hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, nâng cao kỹ năng tay nghề, quản trị vốn vay. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, cán bộ khuyến nông trong hướng dẫn hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo lập phương án và tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh khi được vay vốn; trong đó chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân vay vốn với mức vay ưu đãi tối đa để phát triển sản xuất. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay đảm bảo việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả. Thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương, của Tỉnh về cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các chính sách hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo quy định.

- Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và chuyển giao khoa học kỹ thuật, kiến thức về tổ chức sản xuất, tổ chức cuộc sống:

+ Triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện về nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2026-2030; thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật canh tác và chuyển đổi cơ cấu, mùa vụ đối với cây trồng, vật nuôi đảm bảo an toàn sản xuất cho nông dân; hướng dẫn người dân, đặc biệt là hộ nghèo, cận nghèo bảo quản sản phẩm nông nghiệp, cập nhật các thông tin về thị trường và giá cả các mặt hàng nông sản để có định hướng đầu tư sản xuất, tiếp cận thị trường, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất lao động và thu nhập. Giúp đỡ, hướng dẫn hộ nghèo cách thức tổ chức sản xuất, chi tiêu trong gia đình, đảm bảo cân đối hợp lý giữa ổn định đời sống với tái đầu tư trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao thu nhập.

+ Thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về khuyến công; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Triển khai các mô hình, phong trào khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, phát triển ngành nghề truyền thống, mô hình sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, cơ khí nhỏ ở nông thôn để hộ nghèo có cơ hội tham gia, học tập kinh nghiệm; hỗ trợ cá nhân, cơ sở kinh doanh dịch vụ phân phối hàng hóa, cung ứng đầu vào và đầu ra cho sản phẩm làng nghề nhằm tạo việc làm cho người nghèo.

- Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

+ Chú trọng thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động; tạo chuyển biến về số lượng, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, các chương trình, dự án của tỉnh và thị trường lao động trong nước và nước ngoài. Tăng cường đào tạo nghề lao động nông thôn, đào tạo thường xuyên và đào tạo lại cho người lao động, nhất là đào tạo các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, tính kỷ luật, tác phong công nghiệp. Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông đào tạo nhằm phát triển quy mô đào tạo gắn với thực hiện các giải pháp đột phá, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp; chú trọng nâng cao chất lượng đầu ra; tăng cường việc hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh

cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nền kinh tế số và hội nhập quốc tế. Huy động nguồn lực để hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong điều kiện hiện nay và khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào các khâu của quá trình đào tạo.

+ Triển khai thực hiện Chương trình phát triển thị trường lao động đến năm 2030, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, kết nối với thị trường toàn quốc; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công về lao động, kết nối việc làm trên nền tảng số. Nâng cao chất lượng tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức các phiên giao dịch, sàn giao dịch việc làm, thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm, học nghề, trong đó quan tâm đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường các hoạt động tư vấn, tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và thông tin về thị trường lao động cho người dân, đặc biệt là các hộ gia đình thiếu đất sản xuất, lao động phải chuyển đổi ngành nghề, lao động thuộc diện di dân tái định cư, nhằm tạo cơ hội cho người lao động có cơ hội tìm việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần hạn chế phát sinh hộ nghèo, cận nghèo. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên trong thời gian học tập tại các cơ sở đào tạo, tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ học sinh, sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần tạo việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp; hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp; thực hiện các giải pháp hỗ trợ chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp.

+ Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh. Lựa chọn, khuyến khích các doanh nghiệp có thị trường xuất khẩu lao động có tiềm năng, cho thu nhập cao tham gia tuyển dụng và đưa lao động của tỉnh đi làm việc tại nước ngoài. Làm tốt công tác tạo nguồn lao động, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đưa đi làm việc ở nước ngoài; có giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn lao động sau khi làm việc ở nước ngoài về nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Quan tâm bố trí kinh phí, đồng thời tập trung chỉ đạo thực hiện triệt để, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ ban đầu, chính sách hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất ưu đãi cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo các quy định hiện hành.

+ Tăng cường thực hiện các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, đặc biệt là bảo hiểm xã hội tự nguyện. Duy trì thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn và thực hiện có hiệu quả các chính sách

hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm cho lao động bị mất việc làm để hạn chế phát sinh hộ nghèo, cận nghèo do bị mất việc làm.

- Hỗ trợ đất sản xuất: Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đất sản xuất theo chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường đào tạo nghề và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho hộ nghèo ở những nơi thiếu đất sản xuất. Duy trì thực hiện tốt các biện pháp ổn định đời sống và phát triển sản xuất, đặc biệt là đất sản xuất, nước phục vụ sản xuất cho các hộ dân phải di chuyển, tái định cư phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

3.2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ người nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ổn định sinh kế, phát triển sản xuất, tạo việc làm để tăng thu nhập, thoát nghèo bền vững; quan tâm thực hiện các giải pháp hỗ trợ giảm nghèo đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và thân nhân người có công; rà soát nguyên nhân nghèo để có giải pháp hỗ trợ phù hợp, góp phần nâng cao đời sống người có công và thân nhân người có công.

- Về giáo dục - đào tạo: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng trường chuẩn quốc gia cho các trường ở vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tạo điều kiện thuận lợi cho con em các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa đến trường; giảm tối đa tỷ lệ trẻ em không được đến trường do hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo; học sinh dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, vận động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi cải thiện tình trạng sức khỏe, dinh dưỡng, được tham gia hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí tại cộng đồng. Chú trọng triển khai công tác giáo dục, đào tạo gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là các nội dung liên quan đến phát triển kinh tế số, thương mại điện tử, kinh doanh trên các nền tảng các mạng xã hội.

- Về Y tế: Quan tâm tăng cường đầu tư cho trạm y tế xã, phường đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, duy trì 100% trạm y tế cấp xã có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ban đầu; tăng cường chuyển giao kỹ thuật từ bệnh viện tuyến tỉnh về tuyến xã, cùng với củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, năng lực cán bộ y tế cấp xã, thôn, để người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế thuận lợi, có chất lượng ngay tại nơi cư trú. Thực hiện kịp thời, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ y tế, khám chữa bệnh cho người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo quy định. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số, gắn với

việc vận động thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số. Tích cực triển khai các giải pháp phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em trên địa bàn tỉnh. Quan tâm nâng cao chất lượng công tác y tế dự phòng; kịp thời, chủ động ngăn chặn có hiệu quả, triệt để các loại dịch bệnh ở người. Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, gắn nhiệm vụ vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế vào nhiệm vụ trọng tâm của các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp xã, thôn bản. Phấn đấu đạt mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân.

- Về nhà ở: Huy động nguồn lực thực hiện hỗ trợ về nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên giải quyết trước đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, chủ hộ là người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo tại các xã trong lộ trình xây dựng nông thôn mới, hộ gia đình bị thiệt hại về nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn. Chú trọng thực hiện hỗ trợ di dời nhà ở của người dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét, khu vực rừng phòng hộ.

- Về nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường: Tiếp tục huy động nguồn lực thực hiện các dự án, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó quan tâm thực hiện các chính sách hỗ trợ về nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và người nghèo ở vùng khó khăn; quan tâm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư xây dựng. Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước; đồng thời tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về bảo vệ nguồn nước, khai thác sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Tích cực truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh môi trường, đặc biệt là vệ sinh môi trường nông thôn, hỗ trợ và vận động nhân dân xây dựng 03 công trình vệ sinh ở nông thôn (*nhà tắm, nhà tiêu, xử lý chất thải chăn nuôi*) gắn với thực hiện tiêu chí nông thôn mới.

- Nâng cao chất lượng công tác văn hóa, thông tin: Xây dựng và củng cố hệ thống thông tin - truyền thông cơ sở bao gồm hỗ trợ thông tin, đội ngũ cán bộ thông tin cơ sở và nội dung thông tin tuyên truyền nhằm đảm bảo thông tin về các chính sách của Đảng và nhà nước, thông tin phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật được đưa đến phục vụ người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ thông tin, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, tạo sự đồng thuận trong dư luận xã hội, giảm tỷ lệ mất cân đối về nhu cầu hưởng thụ thông tin giữa khu vực thành thị và vùng nông thôn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của người dân; bảo đảm dân chủ ở cơ sở; tích cực vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, gây lãng phí; ngăn chặn, đẩy lùi những

thông tin sai trái, phản động của các thế lực thù địch, góp phần đảm bảo an ninh, quốc phòng, đặc biệt ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục đầu tư nâng cấp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động truyền thanh xã, thôn, hạ tầng về viễn thông ở vùng nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân được tiếp cận thông tin qua hệ thống internet, nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng điện thoại, được tiếp cận thông tin và xem truyền hình thường xuyên.

- Trợ giúp pháp lý: Thực hiện có hiệu quả chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo tiếp cận được với các chính sách trợ giúp pháp lý có hiệu quả. Khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia các hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo, góp phần nâng cao kiến thức hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho người dân, từ đó có những hành vi ứng xử đúng pháp luật, hạn chế rủi ro trong cuộc sống, sản xuất, kinh doanh do thiếu hiểu biết về pháp luật, đồng thời giúp người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ pháp lý và được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trước pháp luật.

3.3. Các chính sách trợ giúp khác

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách có tính chất tác động đến đối tượng trung tâm là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo nhằm tạo sinh kế, việc làm ổn định và nâng cao thu nhập, khuyến khích người nghèo, hộ nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo một cách hiệu quả, bền vững. Nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ và nâng cao vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác trong thực hiện liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; triển khai thực hiện thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đa dạng hóa các hình thức tạo sinh kế cho người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo được tiếp cận các chính sách, nguồn lực, khoa học, kỹ thuật, thị trường, khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, nhất là hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh phù hợp với người nghèo, ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh, gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030. Cung cấp, đáp ứng nhu cầu về vốn lãi suất ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương, ưu tiên quỹ đất có lợi thế kinh doanh, dịch vụ phục vụ việc quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm nghề, làng nghề, các sản phẩm dịch vụ...; quy hoạch, bố trí quỹ đất ở cho người dân nông thôn đảm bảo đồng bộ, phù hợp phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh thu hút đầu tư dự án sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm, du lịch cộng đồng homestay, kinh doanh, dịch vụ thương mại. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã.

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách ứng dụng công nghệ hiện đại và phát triển các mô hình bảo hiểm phù hợp ở các vùng tiềm ẩn nguy cơ dễ bị ảnh hưởng bởi bão, lũ, sạt lở đất,... để nâng cao hiệu quả bảo hiểm rủi ro thiên tai, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững và tăng khả năng chống chịu trước các cú sốc từ thiên nhiên. Tiếp tục rà soát, đánh giá chính sách bảo hiểm nông nghiệp hiện hành, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện của Trung ương, theo định hướng và phân cấp, nghiên cứu thí điểm cơ chế chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia bảo hiểm nông nghiệp đối với các cây trồng, vật nuôi chủ lực (như: Cam, Chè, Quế, Trâu, Bò,...) và một số cây trồng, vật nuôi mang lại giá trị kinh tế cao khác, góp phần giảm thiểu rủi ro, hạn chế tái nghèo, bảo vệ thành quả lao động, sản xuất trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

- Tiếp tục rà soát, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các chính sách giảm nghèo phù hợp với đặc thù tỉnh miền núi sau sáp nhập; ưu tiên chính sách cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển sinh kế theo hướng: Nông lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa đặc sản (chè, cam, dược liệu, chăn nuôi con đặc sản...); kinh tế rừng bền vững (giao khoán rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng); du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình: Hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết chuỗi giá trị; mô hình “mỗi xã một sản phẩm” gắn với giảm nghèo; tăng khả năng tiếp cận: Vốn tín dụng ưu đãi, khoa học, kỹ thuật; thị trường tiêu thụ (thương mại điện tử, sàn số); đẩy mạnh đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường; ưu tiên nghề phi nông nghiệp và xuất khẩu lao động.

4. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo

- Lồng ghép và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, tăng cường tính kết nối, phục vụ cho sản xuất và dân sinh, nhất là đối với các công trình hạ tầng thiết yếu: Giao thông liên thôn, liên xã; điện, nước sinh hoạt; hạ tầng số (internet, viễn thông)... để tăng cường

liên kết, kết nối hệ thống giao thông nông thôn với các khu vực trung tâm, vùng động lực phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, sinh hoạt, phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiếp cận công nghệ thông tin, đẩy mạnh giao thương hàng hóa và dịch vụ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, góp phần giảm nghèo. Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây mới, nâng cấp và quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi, đảm bảo đủ nước tưới cho diện tích trồng lúa, trồng màu và diện tích cây trồng cận chủ lực tại các vùng sản xuất chuyên canh, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Thực hiện tốt công tác duy tu và bảo dưỡng các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất và dân sinh; nghiên cứu xây dựng cơ chế huy động thêm kinh phí duy tu và bảo dưỡng do cộng đồng tự đóng góp và giao cho cộng đồng chịu trách nhiệm duy tu và bảo dưỡng một số công trình có quy mô nhỏ ở khu vực nông thôn, để tăng tính sở hữu, trách nhiệm với bảo vệ và sử dụng công trình.

- Tăng cường huy động các nguồn lực thông qua các nhà tài trợ, các phong trào, cuộc vận động ủng hộ “Quỹ vì người nghèo”... phục vụ công tác giảm nghèo. Tập trung phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp cho người nghèo; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới và các xã đặc biệt khó khăn; quan tâm hỗ trợ đất sản xuất, tạo việc làm, hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và dịch vụ xã hội khác, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Lồng ghép, sử dụng hiệu quả quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” các cấp và các nguồn lực hợp pháp khác để hỗ trợ cải thiện đời sống người có công với cách mạng, thân nhân người có công thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững gắn với thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chế biến, du lịch; huy động nguồn lực từ tổ chức, cá nhân, quỹ xã hội. Khuyến khích mô hình doanh nghiệp đỡ đầu xã nghèo, thôn nghèo. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, bảo đảm đúng mục tiêu, hiệu quả, tránh dàn trải.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong thực hiện công tác giảm nghèo: Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án sử dụng nguồn vốn nước ngoài: *Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)*; *viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức*...trên địa bàn tỉnh; đảm bảo phát huy tối đa nguồn lực hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, nhà tài trợ nước ngoài góp phần cải thiện điều kiện sống, sinh kế của người dân, hỗ trợ giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, viện trợ phi chính phủ, viện trợ không hoàn lại và các nguồn lực khác để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm tạo việc làm cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững.

5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo

- Củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia từ tỉnh đến cơ sở, nhất là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo, đảm bảo thực hiện tốt công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền trong công tác lập kế hoạch, điều hành tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác giảm nghèo các cấp, có đủ năng lực tham mưu, triển khai thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo. Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ, tâm huyết về công tác tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới và các xã đặc biệt khó khăn.

- Quán triệt, thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo ở tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến tạo sinh kế, phát triển sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, cận nghèo; việc xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo phải cụ thể theo nguyên nhân dẫn đến nghèo, gắn với thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với địa phương, ngành, đơn vị mình. Thực hiện việc lập kế hoạch, giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cho các cấp đảm bảo phù hợp với thực trạng, điều kiện của từng địa phương và có sự thống nhất của cấp xã, không thực hiện việc giao chỉ tiêu áp đặt, chạy theo thành tích.

- Việc xây dựng kế hoạch, bố trí và sử dụng nguồn lực cho công tác giảm nghèo, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 phải được thực hiện công khai, minh bạch và có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, có sự tham gia của người dân. Ưu tiên nguồn lực cho những vùng, những đối tượng khó khăn nhất, hộ nghèo có thành viên là người có công.

- Tăng cường đổi mới cơ chế thực hiện các chính sách giảm nghèo, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả trong xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá; đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức chủ trì, quản lý các chương trình, chính sách giảm nghèo và các cơ quan liên quan khác để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước đối với công tác giảm nghèo. Nghiên cứu thể chế hóa cơ chế điều phối việc thực hiện chính sách giảm nghèo giữa các cơ quan quản lý nhà nước về từng chính sách; đảm bảo các chương trình, chính sách giảm nghèo được thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Thực hiện rà soát, đánh giá hộ nghèo, cận nghèo hằng năm đảm bảo tính kịp thời, chính xác, công bằng trong xác định hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá, cơ sở dữ liệu đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý công tác giảm nghèo; đảm bảo các cơ quan, tổ chức chủ trì và tham gia thực hiện các chính sách, nội dung của công tác giảm nghèo thực hiện đầy đủ yêu cầu giám sát và đánh giá.

- Thực hiện công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại địa bàn dân cư theo đúng quy trình, quy định; bảo đảm người dân được biết, được tham gia ý kiến và giám sát việc rà soát, bình xét, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; kịp thời tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng chính sách giảm nghèo.

- Hướng dẫn các xã, phường xây dựng mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, hộ gia đình thoát nghèo, sản xuất giỏi, làm kinh tế tiêu biểu. Khuyến khích các doanh nghiệp giúp đỡ các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới và các xã đặc biệt khó khăn; vận động các hộ khá giúp đỡ hộ nghèo; xây dựng, nhân rộng các mô hình tốt, sáng kiến hay về giảm nghèo bền vững.

- Xây dựng quy chế phối hợp liên thông, chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực giữa cơ sở dữ liệu về giảm nghèo (do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý) với cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, việc làm (do Sở Nội vụ quản lý) nhằm kịp thời kết nối cung - cầu lao động cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

6. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng trong thực hiện công tác giảm nghèo

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua vì người nghèo; vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia ủng hộ quỹ “Vì người nghèo”, hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát và các hoạt động an sinh xã hội.

- Các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia công tác giảm nghèo; xây dựng và nhân rộng các mô hình hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề, tạo việc làm, hỗ trợ vay vốn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất, kinh doanh; hướng dẫn hội viên, đoàn viên và hộ nghèo sử dụng hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ, nâng cao ý thức tự lực, tự cường, chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp phát huy trách nhiệm xã hội, tham gia hỗ trợ hộ nghèo thông qua tạo việc làm, đào tạo nghề, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất, chuyển giao khoa học kỹ thuật và các hoạt động an sinh xã hội trên địa bàn.

- Phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, gia đình, dòng họ, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong việc giúp đỡ, động viên, giám sát và hỗ trợ hộ nghèo thay đổi nhận thức, cách thức tổ chức sản xuất, quản lý chi tiêu, xây dựng nếp sống văn minh, xóa bỏ hủ tục lạc hậu, phòng chống các tệ nạn xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đời sống và giảm nghèo bền vững.

- Phối hợp vận động dòng họ, gia đình, đặc biệt là những người có uy tín trong cộng đồng cùng thực hiện giám sát, hướng dẫn hộ nghèo trong quản lý chi tiêu trong gia đình và hướng dẫn cách thức tổ chức cuộc sống, tổ chức sản xuất, vệ sinh môi trường; làm cho người nghèo nhận thức được trách nhiệm giảm nghèo là việc của bản thân người nghèo, hộ nghèo, phải tự giác, chủ động thực hiện và có trách nhiệm hơn nữa đối với bản thân, gia đình để vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, không mắc các tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn nghiện ma túy và đánh bạc. Phối hợp với các cấp chính quyền nghiên cứu, tổ chức các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng, khuyến khích động viên các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình làm tốt công tác giảm nghèo, đặc biệt là các hộ nghèo, cận nghèo nỗ lực cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Nêu cao vai trò giám sát và phản biện xã hội trong thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững tại địa phương.

- Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình có nhiều đóng góp trong công tác giảm nghèo; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong giảm nghèo bền vững.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác giảm nghèo và thực trạng đời sống của hộ nghèo để kịp thời chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc từ cơ sở để điều chỉnh các chính sách, giải pháp giảm nghèo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi nhất để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia giám sát việc thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch giảm nghèo nhất là việc giám sát thực hiện chính sách giảm nghèo ở cơ sở.

- Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện công tác giảm nghèo; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có thành tích trong công tác giảm nghèo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh

- Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai các nội dung công việc liên quan được phân công tại Phụ lục đính kèm. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết số 160/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 136-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tới công chức, viên chức, người lao động.

- Các sở, ngành được phân công phụ trách, theo dõi các xã, phường thực hiện nghiêm chế độ làm việc với cơ sở. Tăng cường kiểm tra, giám sát và theo dõi chặt chẽ việc thực hiện triển khai kế hoạch của đơn vị, xã, phường; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc phát sinh của cơ sở đến các sở, ngành chuyên môn, Ủy ban nhân dân tỉnh để tháo gỡ, giải quyết. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp).

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu theo Kế hoạch.

- Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW.

- Định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính: Chủ trì tham mưu cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các chương trình, đề án, chính sách giảm nghèo theo quy định.

4. Sở Công Thương: Chủ trì, thực hiện các hoạt động khuyến công đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tạo việc làm, thu nhập cho lao động, trong đó có lao động nghèo. Hỗ trợ người nghèo tiêu thụ sản phẩm; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở những địa bàn khó khăn, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

5. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền về công tác giảm nghèo bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú, kịp thời thông tin, tuyên truyền về các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong công tác giảm nghèo bền vững; chủ trì triển khai các hoạt động hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa tiếp cận thông tin.

6. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 18/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm và đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; phối hợp rà soát, theo dõi tình hình đời sống hộ nghèo, hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và thân nhân người có công; tham mưu thực hiện các giải pháp hỗ trợ phù hợp theo quy định. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có năng lực, nhiệt tình về công tác tại các xã nghèo, vùng đặc biệt khó khăn; kịp thời đề xuất khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo bền vững.

7. Sở Xây dựng: Triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo chính sách quy định, đảm bảo chất lượng và diện tích theo quy định.

8. Sở Dân tộc và Tôn giáo: Chủ trì triển khai Hợp phần thứ hai về các nội dung đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030. Phối hợp tham mưu, đề xuất ưu tiên nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ về nhà ở. Lồng ghép triển khai thực hiện các chính sách dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo kế hoạch.

9. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì triển khai thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ, nhất là việc triển khai các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế; đặc biệt chú trọng việc chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao trong các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với đồng bào dân tộc; phối hợp tập huấn, phổ biến kiến thức, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng vào thực tiễn sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế hộ.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiên cứu, xây dựng, trình ban hành và tổ chức chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo. Hướng dẫn, thực hiện các hoạt động về phát triển giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên thực hiện các xã nghèo, xã vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phối hợp kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với các địa phương thực hiện một số nội dung của Kế hoạch này nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được đi học đúng độ tuổi, đúng cấp học và triển khai thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

11. Sở Y tế: Chỉ đạo các đơn vị y tế thực hiện đúng quy định của nhà nước về các chính sách khám chữa bệnh BHYT, hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ y tế; thực hiện các giải pháp về phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi. Tăng cường các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi trong việc tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng, vệ sinh môi trường, sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; phối hợp kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và nội dung hỗ trợ và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

12. Sở Tư pháp: Triển khai thực hiện đồng bộ chính sách trợ giúp pháp lý cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; nâng cao chất lượng thực hiện trợ giúp pháp lý, tăng cường các hoạt động truyền thông trợ giúp pháp lý ở cơ sở; kết hợp các cuộc thi phục vụ công tác truyền thông chính sách pháp luật cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người yếu thế trong xã hội và đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật cho người dân.

13. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tuyên Quang: Chỉ đạo và hướng dẫn Bảo hiểm xã hội cơ sở phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình đảm bảo kịp thời, tránh trùng lặp đối tượng.

14. Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang: Chủ động bố trí nguồn vốn ưu đãi để đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp cận vốn vay, đồng thời xây dựng kế hoạch bổ sung nguồn vốn đối với những hộ đang còn dư nợ nhưng có kế hoạch sản xuất tốt, hiệu quả và có nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất; triển khai các chương trình tín dụng chính sách cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tạo điều kiện hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tiếp cận nguồn vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tham gia mô hình hỗ trợ sinh kế giảm nghèo, vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, xây nhà ở, vay vốn học tập,... tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo nâng cao thu nhập, cải thiện mức sống, vươn lên thoát nghèo bền vững.

15. Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh: Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về nội dung về công tác giảm nghèo và định kỳ đăng tải, phát sóng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Phối hợp với các cấp chính quyền, cơ quan chức năng đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững; vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân phát huy tinh thần tự lực, tự cường, chủ động tham gia phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động gắn với mục tiêu giảm nghèo; xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống.

- Tăng cường vận động các tổ chức, doanh nghiệp, nhà hảo tâm và các tầng lớp Nhân dân tham gia ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” các cấp; huy động mọi nguồn lực thực hiện có hiệu quả chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát, hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư, dòng họ, người có uy tín trong việc giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững, góp phần thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững của tỉnh.

- Thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo; kịp thời phản ánh, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

17. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham gia thực hiện và triển khai các mô hình giảm nghèo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

18. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể theo giai đoạn và hằng năm, đẩy mạnh việc triển khai thực hiện; tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng nội dung Chỉ thị số 05-CT/TW tới công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

- Vận động cán bộ, công chức, người lao động và chính quyền, cơ quan, đơn vị giúp đỡ hộ nghèo.

- Bố trí đầy đủ nguồn lực theo quy định, lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn lực của các chương trình để thực hiện mục tiêu giảm nghèo; triển khai thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; xem xét trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật trong thực hiện công tác giảm nghèo.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện gửi về cơ quan Thường trực (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

(Có danh mục giao nhiệm vụ cụ thể kèm theo)

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ và Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 26/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức thực hiện; định kỳ 06 tháng, hằng năm và đột xuất báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 31/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập) về triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết số 160/NQ-CP của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng QG về giảm nghèo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Hùng Đức

Phụ lục
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư, Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ và Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 26/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
I	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm đối với công tác giảm nghèo				
1	Tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền nội dung Chỉ thị số 05-CT/TW, Nghị quyết 160/NQ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ; Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 26/5/2026 của Tỉnh ủy.	Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh, UBND xã, phường, các sở, ngành của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tài liệu tuyên truyền; Hội nghị triển khai	Thường xuyên
2	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo. Gắn việc triển khai thực hiện công tác giảm nghèo bền vững với nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công các cấp; phát huy dân chủ ở cơ sở, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia giám sát của Nhân dân trong thực hiện các chính sách giảm nghèo.	Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh, UBND xã, phường, các sở, ngành của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kế hoạch tuyên truyền của các sở, ngành và UBND xã, phường	Thường xuyên
3	Triển khai công tác truyền thông, vận động, hướng dẫn người nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành liên quan và UBND xã, phường	Các sản phẩm, tài liệu, hoạt động truyền thông	Thường xuyên

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
4	Tham gia cuộc thi “Các tác phẩm báo chí viết về công tác giảm nghèo” do Trung ương tổ chức (trường hợp Trung ương tổ chức).	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành liên quan và UBND xã, phường	Các tác phẩm báo chí	Định kỳ 02 năm
5	Chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản trên địa bàn tỉnh tích cực tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Ủy ban nhân dân xã, phường	Các văn bản chỉ đạo, các chương trình truyền thông, phóng sự, sản phẩm truyền thông	Thường xuyên
6	Thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, phấn đấu “Vì một Việt Nam không đói nghèo”.	Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, phường	Kế hoạch tổ chức thực hiện	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
7	Xây dựng chuyên mục, chuyên trang, dành thời lượng thích hợp để tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến công tác giảm nghèo.	Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành liên quan, UBND xã, phường	Chương trình truyền thông, phóng sự, sản phẩm truyền thông	Thường xuyên
II	Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giảm nghèo				
1	Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp ban hành nghị quyết, chương trình hành động, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030	Các Sở, ngành liên quan và UBND các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác giảm nghèo	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
2	Xây dựng, xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo bền vững trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 của các địa phương, đơn vị.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND các xã, phường	Các sở, ngành liên quan	Các Nghị quyết, Chương trình hành động, kế hoạch, dự án, đề án	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
III	Thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ giảm nghèo				
1	Thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững gắn với triển khai đầy đủ kịp thời các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, hộ chính sách tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Tài chính	Các sở, ngành liên quan và UBND xã, phường	Kế hoạch, các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo bền vững	Hàng năm
2	Thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước.	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan và UBND xã, phường	Kế hoạch, Các văn bản chỉ đạo thực hiện	Thường xuyên
3	Chính sách trợ giúp pháp lý đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; triển khai đầy đủ kịp thời các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, thực hiện chuẩn nghèo đa chiều thuộc lĩnh vực ngành quản lý, phụ trách.	Sở Tư pháp	Các sở, ngành liên quan và UBND xã, phường	Các văn bản triển khai	Hàng năm và giai đoạn 2026-2030
4	Tiếp tục thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Sở Tài chính, UBND xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo, các sở, ngành liên quan	Các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện	Hàng năm và giai đoạn 2026-2030

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
5	Triển khai các mô hình giảm nghèo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường	Văn bản triển khai chính sách hỗ trợ	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
6	Triển khai hoạt động tư vấn, kết nối, giới thiệu, hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn hoặc tư vấn chính sách hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm; chính sách hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường	Văn bản triển khai thực hiện	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
7	Triển khai chính sách khuyến khích các cơ sở đào tạo, nhóm nghiên cứu hình thành, chuyển giao các mô hình sinh kế tăng trưởng nhanh, bền vững, phù hợp với đặc điểm của địa phương cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan, UBND xã, phường	Văn bản triển khai thực hiện	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
8	Triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhất là tại địa bàn các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ngành liên quan, UBND xã, phường	Các văn bản triển khai thực hiện	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
9	Triển khai chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt hợp vệ sinh và vệ sinh môi trường nông thôn, trong đó có người nghèo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân xã, phường	Các văn bản triển khai thực hiện	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
10	Triển khai chính sách tín dụng ưu đãi dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác.	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	Sở tài chính và các sở, ngành liên quan, UBND xã, phường	Văn bản triển khai thực hiện	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
11	Thực hiện bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường	Quy hoạch, kế hoạch, dự án di dời dân cư và đảm bảo an sinh xã hội	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
12	Triển khai thực hiện chính sách liên kết vùng, tăng cường kết nối vùng phát triển với vùng khó khăn; triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 81-NQ/TU ngày 14/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	Ủy ban nhân dân xã, phường	Các văn bản triển khai thực hiện	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
13	Giải quyết đất sản xuất, đất ở phù hợp; tạo việc làm, bảo đảm các dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và dịch vụ xã hội khác cho người nghèo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành liên quan	Ủy ban nhân dân các xã, phường	Các văn bản triển khai thực hiện	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
14	Tuyên truyền, vận động các xã, phường xây dựng mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ tự quản, hộ gia đình thoát nghèo, sản xuất giỏi, làm kinh tế giỏi tiêu biểu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan	Ủy ban nhân dân các xã, phường	Mô hình, dự án giảm nghèo	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
15	Rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về giảm nghèo bền vững.	Các sở, ngành liên quan	Ủy ban nhân dân xã, phường	Kiến nghị đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật	Hằng năm và giai đoạn 2026-2030
IV	Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho công tác giảm nghèo				

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
1	Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, sinh kế, nâng cao thu nhập và hỗ trợ tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở địa bàn các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành liên quan	Ủy ban nhân dân xã, phường	Chương trình, kế hoạch, dự án, đề án	Hàng năm và giai đoạn 2026-2030
V	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo				
1	Rà soát, kiện toàn công tác tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước các cấp về công tác giảm nghèo.	Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường	Các sở, ngành liên quan	Bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ đủ trình độ, năng lực thực hiện công tác giảm nghèo	Hàng năm và giai đoạn 2026-2030
2	Triển khai chính sách khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có năng lực, nhiệt tình về công tác tại xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường	Các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện	Hàng năm và giai đoạn 2026-2030
3	Cập nhật cơ sở dữ liệu về giảm nghèo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã, phường	Các sở, ngành liên quan	Cơ sở dữ liệu về giảm nghèo	Hàng năm

TT	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian thực hiện
4	Xây dựng và triển khai thực hiện quy chế phối hợp liên thông, chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực giữa cơ sở dữ liệu về giảm nghèo (Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý) với cơ sở dữ liệu về thị trường lao động, việc làm (Sở Nội vụ quản lý) nhằm kịp thời kết nối cung - cầu lao động cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân xã, phường	Các sở, ngành liên quan	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo kết nối thị trường lao động, việc làm	Hàng năm và giai đoạn 2026-2030
5	Cung cấp thông tin, giúp người nghèo kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân xã, phường	Các sở, ngành liên quan	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo kết nối thị trường hàng hóa	Hàng năm và giai đoạn 2026-2030